TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nước
Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/8/2022 và 08/9/2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2022/QĐST-ĐS ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N
Trụ sở: Số X, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Tiết Văn T; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N, là người đại diện theo pháp luật.

- Ông Trương Văn U; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thị xã Duyên Hải, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 03/UQ-NHNo.Dha-KHKD ngày 08/8/2022 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thị xã Duyên Hải).

Bị đơn: 1. Ông Hà Minh K, sinh năm 1969; (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khóm Y, Phường Z, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hà Thị Ngọc H, sinh năm 1993; (vắng mặt)

2. Anh Hà Minh K1, sinh năm 2000; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Y, Phường Z, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 31/10/2019 Ngân hàng N thị xã D ký kết 02 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905234 ký kết với ông Hà Minh K để cho ông K vay 3.500.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi tôm, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ trả nợ là ngày 31/10/2020.

2. Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905236 ký kết với bà Nguyễn Thị Thúy V để cho bà V vay 4.500.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán mỹ phẩm, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ trả nợ là ngày 31/10/2020.

Biện pháp bảo đảm tiền vay:

1. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905234 ngày 31/10/2019, ông Hà Minh K đã thế chấp các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 290(A)/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019 gồm có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 337072 do UBND huyện Duyên Hải cấp ngày 22/05/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số CK 148707 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 27/09/2017; (Tổng diện tích: 1,197.1m^2) Trong đó: Đất ở 300m^2; đất trồng cây lâu năm: 897,1m^2. Thửa đất số: 189 và 107; Tờ bản đồ số:11, 30; Đất toạ lại tại: Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 290(B)/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019, với tài sản cụ thể là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 069070, H 069071 do UBND huyện Duyên Hải cấp ngày 02/01/1998; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 016417 do UBND huyện Duyên Hải cấp ngày 09/12/1995; (Tổng diện tích: 4,920 m^2). Thửa đất số: 58, 1214, 1215. Tờ bản đồ số 04, đất toạ lại tại xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905236 ngày 31/10/2019, bà Nguyễn Thị Thúy V đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể như sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 280/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019, với tài sản cụ thể là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 111410 do UBND huyện Duyên Hải cấp ngày 02/11/2011. (Tổng diện tích: 60.9 m^2 + 01 nhà ở cấp 2 diện tích sàn: 181,5m^2). Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 14, nhà và đất toạ lại tại khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thì ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N chi nhánh thị xã Duyên Hải đã nhiều lần làm việc với ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời yêu cầu ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký. Tuy nhiên, tính đến nay phía ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng N.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/9/2022 là: 10.933.585.854 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 8.000.000.000 đồng, nợ lãi là 2.933.585.854 đồng.

Nếu ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải tuyên Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Hà Minh K, bà Nguyễn Thị Thúy V theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết. Trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác của ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2021: Ông Hà Minh K thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N để cùng vợ là Nguyễn Thị Thúy V vay số tiền 8.000.000.000 đồng, do tình hình kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng chưa có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng được, nay ngân hàng khởi kiện thì ông cũng thừa nhận và đồng ý trả nợ và mong ngân hàng tạo điều kiện về thời gian.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn Nguyễn Thị Thúy V và người liên quan là chị Hà Thị Ngọc H và anh Hà Minh K1 nhưng cả 03 người đều không có ý kiến phản hồi và Tòa án cũng không gặp được để tiến hành ghi lời khai.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, khi tuyên quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đề nghị trừ ra phần diện tích của căn nhà tình nghĩa trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khóm L, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Hà Minh K, Nguyễn Thị Thúy V cư trú tại khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Hà Minh K, Nguyễn Thị Thúy V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị Ngọc H và Hà Minh K1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ ý kiến thừa nhận nợ của ông Hà Minh K và Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905234 ngày 31/10/2019 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng N chi nhánh thị xã Duyên Hải với bên vay là ông Hà Minh K và hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905236 ngày 31/10/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh thị xã Duyên Hải với bà Nguyễn Thị Thúy V là hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, hình thức của hợp đồng tuân thủ đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Buộc các bên phải thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung đã thỏa thuận. Ông K và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng cả hai bị đơn vẫn không có động thái nào nhằm thực hiện nghĩa vụ, do đó Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông K và bà V phải trả số tiền gốc là yêu cầu chính đáng và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hiện nay khoản nợ gốc ông K và bà V còn nợ Ngân hàng N là 8.000.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả lãi, xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn trong hợp đồng tín dụng là tự nguyện, trong đó có khoản lãi chậm trả 10%/năm tính trên dư nợ lãi trong hạn, sự thỏa thuận về lãi suất là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tiền lãi tạm tính đến ngày 08/9/2022 gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 2.933.585.854 đồng.

[4] Xét thấy, ông K và bà V ký 02 hợp đồng tín dụng riêng biệt, nhưng cả hai hợp đồng ký cùng một ngày; ông K, bà V đều có văn bản ủy quyền cho người còn lại xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N, mục đích vay tiền của ông K là nuôi tôm, mục đích vay tiền của bà V là mua bán mỹ phẩm; đồng thời cả hai khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Ngân hàng N yêu cầu ông K và bà V phải nghĩa nghĩa vụ chung đối với 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[5] Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngày 31/10/2019 ông Hà Minh K đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 290(A)/P1/HĐTC-QSDĐ, tài sản thế chấp là thửa đất số 107, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khóm Long Thạnh, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 189, tờ bản đồ số 11, toạ lại tại khóm 3, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 290(B)/P1/HĐTC-QSDĐ, tài sản thế chấp là các thửa đất số 58, 1214 và 1215; tờ bản đồ số 04, toạ lạc tại xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị Thúy V đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 280/P1/HĐTC-QSDĐ, tài sản thế chấp là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 14, đất toạ lại tại khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và căn nhà cấp 2 trên thửa đất này.

[6] Xét về hình thức, nội dung hợp đồng thế chấp: Cả 03 hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản và được Ủy ban nhân dân Phường 1 chứng thực và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải. Đồng thời, đảm bảo đúng về mặt chủ thể giao kết, những người trong hộ gia đình ông K gồm bà V, bà N, chị H và anh K1 đều tham gia ký kết. Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp thì các bên không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về vấn đề trên thửa đất 107 có nhà tình nghĩa của bà Lâm Thị N thì có được thế chấp hay không và đề nghị trừ ra diện tích của căn nhà này khi xử lý tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Quá trình giải quyết vụ án vào ngày 21/4/2022 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định được trên thửa đất 107 ở khóm Long Thạnh, Phường 1 có một căn nhà tình nghĩa hỗ trợ cho bà Lâm Thị N theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã D. Bà Lâm Thị Ng chết ngày 09/6/2021 căn nhà này do ông K và bà V quản lý, sử dụng.

Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Điều 317. Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp).

Luật Nhà ở quy định:

Điều 10. Quyền của chủ sở hữu nhà ở và người sử dụng nhà ở

...

*d) Bán, chuyển nhượng hợp đồng mua bán, cho thuê, cho thuê mua, tặng cho, đổi, để thừa kế, **thế chấp**, góp vốn, cho mượn, cho ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở; trường hợp tặng cho, để thừa kế nhà ở cho các đối tượng không thuộc*

diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì các đối tượng này chỉ được hưởng giá trị của nhà ở đó;

…

Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm quy định:

Điều 4. Tài sản bảo đảm

1. Tài sản bảo đảm là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai mà pháp luật không cấm giao dịch.

…

Về tài sản thế chấp là thửa đất số 107 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận cho ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V ngày 27/09/2017. Tại mục 1.3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp số 290(A)/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019 có thỏa thuận bên thế chấp cam kết tất cả các tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, hiện không có tranh chấp, bên thế chấp đồng ý cho bên nhận thế chấp được quyền xử lý, phát mại tất cả tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Như vậy bà Lâm Thị N là người sở hữu hợp pháp của căn nhà tình nghĩa theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã D và tự nguyện cam kết sẽ dùng tài sản của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông K và bà V. Điều này là phù hợp với các quy định đã viện dẫn ở trên, hơn nữa nhà tình nghĩa cũng không thuộc đối tượng không được kê biên theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Như vậy, có thể thấy theo các quy định của pháp luật hiện hành thì nhà tình nghĩa vẫn là tài sản được phép dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, việc có trừ diện tích nhà tình nghĩa khi xử lý tài sản thế chấp hay không là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

[8] Liên quan đến đơn đề nghị của ông Lâm Văn K2, đề nghị tham gia tố tụng trong vụ án và có yêu cầu độc lập chia thừa kế đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khóm L, Phường Y, thị xã D, tỉnh Trà Vinh sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu độc lập phải được đưa ra trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ; Yêu cầu độc lập của họ có liên quan đến vụ án đang được giải quyết; Yêu cầu độc lập của họ được giải quyết trong cùng một vụ án làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn. Xét thấy, đối tượng tranh chấp của vụ án là khoản tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng, trường hợp ông K, bà V không thanh toán nợ cho Ngân hàng N thì tài sản bảo đảm được xử lý theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự, do đó không loại trừ trường hợp thửa đất số 107 không bị xử lý do ông K, bà V tự nguyện thi hành án. Hơn nữa Luật thi hành án dân sự có quy định trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết (Điều 75). Như vậy, Tòa án

không đưa ông Lâm Văn K2 vào tham gia tố tụng cũng không làm mất quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông.

[9] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 450.000 đồng ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V phải chịu. Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng trước nên ông K, bà V phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N khoản tiền này. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 2.550.000 đồng là tiền tạm ứng chênh lệch còn dư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 317, 318, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013;
- Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V phải thanh toán cho Ngân hàng N tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2022 với số tiền là 10.933.585.854 đồng (*mười tỉ, chín trăm ba mươi ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó nợ gốc là 8.000.000.000 đồng, nợ lãi là: 2.933.585.854 đồng.

- Kể từ ngày 09/9/2022 ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905234 ngày 31/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201905236 ngày 31/10/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Trường hợp ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 290(A)/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019; Hợp đồng thế chấp số 290(B)/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019 và Hợp đồng thế chấp số 280/P1/HĐTC-QSDĐ ngày 31/10/2019. Trong trường hợp sau khi xử lý các tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu

cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản khác của ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V phải chịu 118.934.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 58.780.719 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006382 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hà Minh K và bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 450.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 2.550.000 đồng tại Văn phòng Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tài

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Văn Nước	**Hà Văn Quen**	**Nguyễn Hữu Tài**